

BÀI 48 いろいろお世話(せわ)になりました
IROIRO OSEWA NI NARIMASHITA

健太(けんた) Kenta	体(からだ)に気(き)をつけて。 KARADA NI KIOTSUKETE.	Em hãy chú ý giữ gìn sức khỏe nhé!
さくら Sakura	タイに着(つ)いたら連絡(れんらく)してね。 TAI NI TSUITARA, RENRAKU SHITE NE.	Khi nào đến Thái Lan, thì báo cho bọn chị biết nhé!
アンナ Anna	はい。いろいろお世話(せわ)になりました。 健太(けんた)さんとさくらさんもお元気(げんき)で。 HAI. IROIRO OSEWA NI NARIMASHITA. KENTA-SAN TO SAKURA-SAN MO OGENKIDE.	Vâng. Cảm ơn mọi người vì mọi việc. Anh Kenta và chị Sakura cũng ở lại mạnh khỏe nhé!



Mẫu ngữ pháp

① KIOTSUKETE (hãy chú ý/hãy cẩn thận)

◈ KIOTSUKETE là thể TE của động từ KIOTSUKEMASU (chú ý/cẩn thận).

◈ Dùng trợ từ NI để chỉ đối tượng mà bạn phải cẩn thận hoặc chú ý.

Ví dụ: KURUMA NI KIOTSUKETE. (Hãy chú ý xe ô tô.)

② Các câu chào khi tạm biệt





Từ tượng thanh và tượng hình



Tiếng cười ha ha



Tiếng cười nhỏ nhẹ, thường là tiếng cười khúc khích của phụ nữ